

Yên Châu, ngày 18 tháng 5 năm 2026

**BẢN CÔNG KHAI TÀI CHÍNH NẤU ĂN**

1.	Tổng số học sinh của trường	378	Học sinh				
2.	Số học sinh cắt cơm	0	Học sinh				
3.	Số học sinh ăn sáng:	378	Học sinh	Tiền ăn:	7.000 đồng	=	2.646.000 đồng
5.	Số học sinh ăn trưa:	378	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	=	8.694.000 đồng
6.	Số học sinh ăn tối:	99	Học sinh	Tiền ăn:	23.000 đồng	=	2.277.000 đồng
8.	Tiền thu:	13.617.000	đồng				
9.	Tiền chi lương thực, thực phẩm trong ngày:	13.617.000	đồng				
10.	Tiền thiếu:	0	đồng				

**Đơn vị thực hiện :**

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Gạo	Kg	71	0	0	
2	Dầu ăn	Lít	10,0	50.000	500.000	
3	Nước mắm	Lít	2,0	13.800	27.600	
4	Mỳ chính	Kg	1,0	55.000	55.000	
5	Bột canh	Kg	2,0	20.000	40.000	

6	Muối trắng	Kg		7.000	-	
7	Nước rửa bát	Lít	3,4	38.000	129.200	
8	Nước lau nhà	Lít	3,6	30.000	108.000	
9	Gas đun bếp	Kg	20,0	36.000	720.000	
10	Mỳ tôm	Gói	378,0	4.000	1.512.000	
11	Thịt xay( ăn mỳ+ sốt đậu+ xào bí)	Kg	13,0	120.000	1.560.000	
12	Thịt luộc chấm chéo	Kg	43,0	120.000	5.160.000	
13	Đậu phụ (sốt thịt)	Kg	40,0	20.000	800.000	
14	Cà chua	Kg	8,0	25.000	200.000	
15	Bí xanh (canh)	Kg	8,0	15.000	120.000	
16	Dưa Hấu	Kg	26,0	20.000	520.000	
17	Gà chiên	Kg	18,0	80.000	1.440.000	
18	Bột chiên	Kg	1,0	28.000	28.000	
19	Bí Non xào thịt	Kg	10,0	10.000	100.000	
20	Bắp Cải (canh)	Kg	22,6	12.000	271.200	
21	Dưa Hấu	Kg	8,0	20.000	160.000	
22	Rau mùi	Kg	1,1	35.000	38.500	
23	Gừng	Kg	1,0	25.000	25.000	
24	Ớt	Kg	0,5	45.000	22.500	
25	Hành lá	Kg	2,0	40.000	80.000	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>13.617.000</b>	

**BỘ PHẬN NHÀ BẾP**



**Lò Thị Hương**

**THANH TRA NHÂN DÂN**



**Hoàng Thái Bình**

**KẾ TOÁN CÔNG TY**



**Đỗ Thị Thanh Huyền**

**KẾ TOÁN**



**Nguyễn Văn Mươi**

**ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG**



**Lưu Văn Khải**



**Dương Anh Tuấn**

